

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 7 năm 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hải

2. Bà Lê Thị Thiết

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Hà Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19/02/2024, được bổ sung trong bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 20/7/2012 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2012). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2013 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn và chăm sóc con cái nên thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mặc dù vẫn chung sống một nhà nhưng vợ chồng luôn thờ ơ, lạnh nhạt, việc ai người ấy làm, không ai quan tâm ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ

Về con: Chị và anh Lê Văn Đ có 01 con chung là cháu Lê Anh K, sinh ngày 12/4/2013. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ khi Tòa án có quyết định cho ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Hà Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 02/5/2024, ban đầu anh Đ trình bày: Anh mong muốn được hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, con cái có đầy đủ tình yêu thương của cả bố và mẹ, nhưng do chị T kiên quyết ly hôn, anh không thể níu kéo nên anh đồng ý ly hôn. Anh đồng ý giao cháu Lê Anh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng cho cháu K 1.000.000đ/tháng kể từ khi Tòa án có quyết định cho ly hôn đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Về tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cuối buổi hòa giải, anh Đ thay đổi ý kiến và trình bày: Anh mong muốn được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn chị T và tự ý bỏ về không tiếp tục làm việc tại buổi hòa giải, không ký biên bản hòa giải.

Tòa án tiếp tục triệu tập họp lệ để anh Đ tham gia giải quyết vụ án, nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do.

Toà án đã tiến hành xác minh tại thôn Q, xã Đ, huyện L về một số nội dung có liên quan trong vụ án, kết quả xác minh:

Về địa chỉ cư trú và sự có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của bị đơn: Đại diện thôn cho biết, anh Lê Văn Đ đăng ký thường trú tại thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; anh Đ không đăng ký tạm trú ở nơi khác; anh Đ không báo xin tạm vắng tại nơi cư trú; đến nay anh Đ chưa thay đổi nơi đăng ký cư trú, không bị xóa đăng ký thường trú; anh Đ đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên về nhà.

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Là do anh Đ không tu chí làm ăn, nghị kỵ ghen tuông vô cớ. Cách đây mấy tháng, chị T làm thủ tục ly hôn, anh Đ đã xin chị T tha thứ nhưng chị T không đồng ý.

Về con chung và điều kiện nuôi con: Chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Lê Anh K, sinh ngày 12/4/2013. Từ khi chị T và anh Đ đi làm ăn, cháu K ở cùng ông bà nội tại thôn Q, xã Đ, huyện L, cháu được đi học đầy đủ và được chăm sóc tốt. Chị T và anh Đ thường xuyên về thăm con, chị T vẫn gửi tiền về để chi phí sinh hoạt và học tập của cháu K. Về điều kiện kinh tế xã hội, môi trường tự nhiên ở nơi cư trú; về việc làm và thu nhập của chị T, anh Đ: Nơi cư trú của chị T, anh Đ hiện nay có điều kiện kinh tế xã hội, môi trường tự nhiên tốt để các cháu sinh sống. Hiện nay, cả chị T và anh Đ đều làm công nhân, việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện sống, sinh hoạt và chăm lo cho con cái; cả chị T và anh Đ

đều là người có trách nhiệm, quan tâm và yêu thương con cái.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nguyên đơn là chị Hà Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Lê Văn Đ không có yêu cầu phản tố vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Hà Thị T, anh Lê Văn Đ và Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2012 ngày 20/7/2012 do UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Lê Văn Đ là hợp pháp.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của chị T, ý kiến của anh Đ, Hội đồng xét xử thấy: Giữa chị T và anh Đ thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, chửi bới nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt, làm ăn và nuôi dạy con cái; thiếu tin tưởng sự chung thủy của nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Đ. Còn anh Đ không đồng ý ly hôn, có nguyện vọng được hòa giải, giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng tại phiên hòa giải thứ nhất, anh Đ tự ý nửa chừng bỏ về mà không có lý do và chưa được sự đồng ý của Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải. Tòa án tiếp tục tổ chức các phiên hòa giải và triệu tập họp lệ nhưng anh Đ đều vắng mặt, không tham gia hòa giải mà không có lý do. Như vậy, anh Đ không có tinh thần hợp tác, không có thiện chí hòa giải để giải quyết mâu thuẫn. Điều đó, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Đ không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, quyết định cho chị T được ly hôn anh Đ.

[5]. Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Hà Thị T, anh Lê Văn Đ và bản sao Giấy khai sinh của cháu K, đủ cơ sở xác định: Cháu Lê Anh K, sinh ngày 12/4/2013 là con chung của chị T và anh Đ. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị T, thấy: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, nguyện vọng của chị T là chính đáng, hợp pháp nên có cơ sở để xem xét; anh Đ không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về việc nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con của chị T thấy: Chị T có việc làm và thu nhập ổn định, mức thu nhập bình quân là 11.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Mặt khác, cháu K đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với chị T, trong khi anh Đ không có ý kiến, nguyện vọng về việc nuôi con. Vì vậy, để cháu K được yêu thương, chăm sóc đầy đủ, có điều kiện phát triển một cách tốt nhất về mọi mặt, nên giao cháu K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù.

[6]. Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thấy: Chị T là người trực tiếp nuôi con, nên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định của pháp luật, nên có cơ sở để xem xét. Xét mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng chị T yêu cầu đối với cháu K là 1.000.000 đồng/tháng, thấy: Về mức cấp dưỡng chị T yêu cầu, căn cứ mức thu nhập phổ thông bình quân và nhu cầu thiết yếu của cháu K so với mức sống trung bình tại địa phương thì mức cấp dưỡng chị T yêu cầu là thấp, nhưng đây là sự tự nguyện của chị T. Vì vậy, để tạo điều kiện cho anh Đ có khả năng cấp dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Chị Tiên đề n áp dụng phương thức cấp dưỡng hàng tháng, nên chấp nhận áp dụng phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng theo quy định tại Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, có cơ sở chấp nhận mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T. Anh Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu K 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[7]. Về tài sản: Chị Hà Thị T, anh Lê Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Chị Hà Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Lê Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng, nhưng chị T tự nguyện nộp thay anh Đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng, nên chấp nhận sự tự nguyện của chị T. Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 107, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24;

điểm a khoản 5, các điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn anh Lê Văn Đ.

Về con: Giao cháu Lê Anh K, sinh ngày 12/4/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ phải cấp dưỡng cho cháu K 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2024 đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) và nộp thay anh Lê Văn Đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), tổng là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0006613 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị T còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn Hà Thị T và bị đơn Lê Văn Đ. Chị T, anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

Lê Viết Tám